



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆT NAM**

<u>MUC LUC</u>	Trang
Phần I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	9
Phần II. Tình hình hoạt động trong năm	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	13
4. Tình hình tài chính	13
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2. Tình hình tài chính	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	17
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	17
Phần IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	18
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	18
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	19
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	19
Phần V. Quản trị Công ty	21
1. Hội đồng quản trị	21
2. Ban kiểm soát	23
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	24
Phần V. Báo cáo tài chính	25
1. Ý kiến kiểm toán	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	27

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco), tiền thân là Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập ngày 20/12/2000 theo Quyết định số 269/QĐ/HĐQT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

Với số Vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng, cán bộ chủ yếu từ Agribank chuyển sang, đến nay Agriseco đã trở thành công ty chứng khoán (CTCK) hàng đầu của Việt Nam: lớn nhất về mạng lưới (3 Chi nhánh, 4 Phòng giao dịch, 47 Cơ sở phát triển dịch vụ), lớn thứ hai về Vốn điều lệ (2.120 tỷ đồng).

Thông tin về Công ty:

- | | |
|-----------------------------|--|
| ■ Tên giao dịch: | Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam |
| ■ Tên viết tắt: | AGRISECO |
| ■ Giấy phép hoạt động: | Số 108/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/7/2009. Điều chỉnh lần 1 theo Giấy phép điều chỉnh số 343/UBCK-GP ngày 20/8/2010. |
| ■ Vốn điều lệ: | 2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng |
| ■ Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng |
| ■ Trụ sở chính: | Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội |
| ■ Điện thoại: | (84-4) 6276 2666 |
| ■ Fax: | (84-4) 6276 5666 |
| ■ Website: | www.agriseco.com.vn |
| ■ Mã cổ phiếu: | AGR |

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2000:

- **20/12/2000:** Agribank ban hành Quyết định số 269/QĐ-HĐQT thành lập Agriseco.

Năm 2001:

- **09/01/2001:** Tiếp nhận Vốn điều lệ 60 tỷ đồng.
- **04/05/2001:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh, Agriseco trở thành công ty chứng khoán thứ 8 gia nhập thị trường.
- **05/11/2001:** Khai trương hoạt động tại Hà Nội.
- **23/11/2001:** Thành lập Chi nhánh đầu tiên của Agriseco tại TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2003:

- **30/10/2003:** Thành lập Phòng giao dịch đầu tiên tại Ngọc Khánh, Hà Nội.

Năm 2004:

- **14/01/2004:** Nâng Vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.
- **15/09/2004:** Đưa sản phẩm REPO ra thị trường.

Năm 2005:

- **14/01/2004:** Đưa sản phẩm REREPO ra thị trường.
- **11/11/2005:** Khai trương Đại lý nhận lệnh cấp huyện đầu tiên tại Huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.
- **21/11/2005:** Nâng Vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.

Năm 2006:

- **07/04/2006:** Nhận Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2007:

- **19/06/2007:** Nâng Vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.
- **16/08/2007:** Ký Bản ghi nhớ Hợp tác chiến lược với Guotai Junan - Tập đoàn chứng khoán hàng đầu Trung Quốc.

==
\\
CỔ
CỔ
ỦN
GÃ
G I
TRH
I E
\\
VH
==

- ==
\\
CỔ
CỔ
ỦN
GÃ
G I
TRH
I E
\\
VH
==

==
\\
CỔ
CỔ
ỦN
GÃ
G I
TRH
I E
\\
VH
==

- ==
\\
CỔ
CỔ
ỦN
GÃ
G I
TRH
I E
\\
VH
==

==
\\
CỔ
CỔ
ỦN
GÃ
G I
TRH
I E
\\
VH
==

- ==
\\
CỔ
CỔ
ỦN
GÃ
G I
TRH
I E
\\
VH
==

- **22/12/2010:** Xếp hạng số 257/1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Năm 2011:

- **2/3/2011:** Bằng khen của **Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng** v/v CTCP Chứng khoán NHNO&PTNT VN đã có nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển TTCK trong giai đoạn 2000 – 2010 góp phần vào xây dựng bảo vệ CNXH và Bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen của **Bộ trưởng Bộ Tài Chính Vũ Văn Ninh** v/v xây dựng TTCK trong giai đoạn 2006-2010.
- Bằng khen của **Thống đốc NHNN Nguyễn văn Giàu** v/v đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nghiệp vụ NH năm 2008 – 2009.
- **10/2011: Sao vàng đất việt:** Agriseco ở top 200 và là công ty chứng khoán duy nhất đạt giải.

Năm 2012:

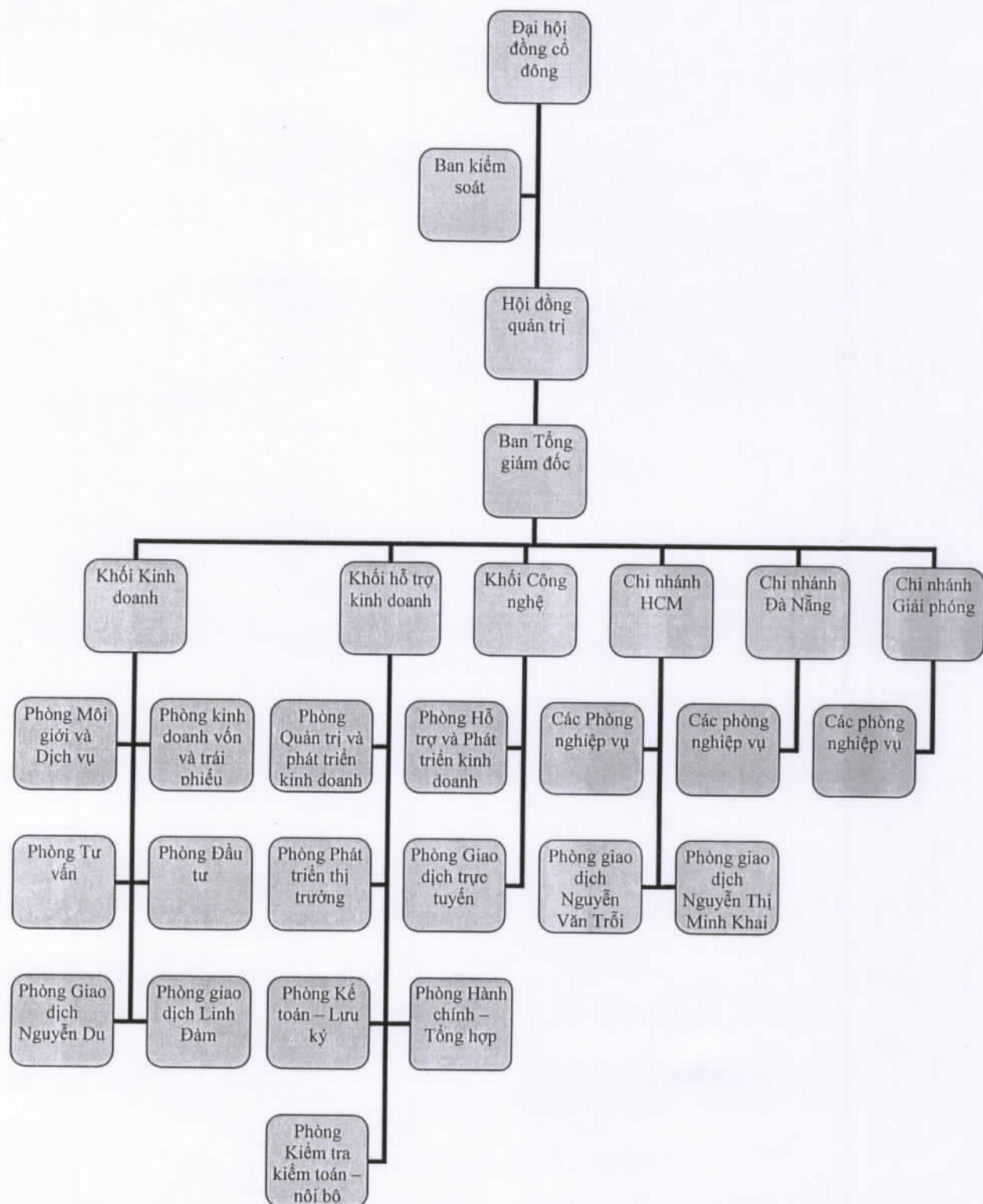
- **30/11/2012: Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- **05/2012:** Đưa sản phẩm **dịch vụ Môi giới Hợp đồng** ra thị trường.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
 - Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

❖ Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý



❖ Công ty con, công ty liên kết

Không

th

5. Định hướng phát triển:

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Vươn ra và đứng hàng đầu trong khu vực bằng cách thâm nhập, mở rộng kinh doanh dựa trên tiềm năng trong nước và lợi thế so sánh, đồng thời khai thác nguồn vốn, nhân lực, công nghệ và kinh nghiệm quản trị quốc tế để củng cố vị thế hàng đầu trong nước. Chuyên nghiệp hoá và quốc tế hóa công tác cán bộ, đưa công nghệ trở thành một mũi nhọn kinh doanh, phát triển và tăng cường khai thác mạng lưới, xây dựng một lộ trình tăng vốn hợp lý để hình thành một Agriseco mang sắc thái Ngân hàng, phát triển bền vững và có văn hóa riêng.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tăng cường sự cân đối giữa các nghiệp vụ

Nâng cấp Môi giới và Tự doanh theo hướng cân bằng trong doanh thu với Kinh doanh vốn- trái phiếu.

- Tăng cường cân đối giữa nguồn và sử dụng vốn

Đa dạng hóa nguồn vốn, tận dụng tài sản sở hữu, kiên trì lộ trình tăng vốn thông qua phát hành và tích tụ vốn từ lợi nhuận.

- Tăng cường quản lý rủi ro

Nâng cấp công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, siết chặt các tỷ lệ an toàn, tiến tới áp dụng quy trình quản lý rủi ro của một ngân hàng.

- Hình thành Tập đoàn Agriseco.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp hoạt động không chỉ thực hiện mục tiêu kinh doanh, mà còn thực hiện những trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội đối với cộng đồng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp phát triển cộng đồng, xã hội, các hoạt động thiện nguyện và bảo vệ môi trường vì một đất nước Việt Nam phát triển và thịnh vượng.

6. Các rủi ro

❖ Rủi ro về kinh tế

Rủi ro thị trường đối với Agriseco nói riêng và với các Công ty chứng khoán nói chung là các rủi ro liên quan đến biến động của giá chứng khoán và biến động lãi suất.

Giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư được đánh giá lại dựa trên giá niêm yết. Giá trị các trái phiếu được đánh giá hàng ngày dựa vào giá trị thị trường và tình hình lãi suất. Khi lãi suất thị trường tăng, danh mục trái phiếu giảm giá trị và ngược lại.

Các giao dịch của Agriseco đều dựa trên cơ sở đồng Việt Nam, không đầu tư và thanh toán bằng vàng hay ngoại tệ nên Agriseco không chịu rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

❖ Rủi ro pháp lý

Agriseco chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập cá nhân, Luật đầu tư, và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật cho rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi.

❖ Rủi ro đầu tư

Agriseco là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, hoạt động đầu tư chính của Agriseco là kinh doanh trái phiếu. Để hạn chế rủi ro đầu tư, Agriseco đã thành lập một bộ phận quản lý rủi ro nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư cũng như đánh giá giá trị tài sản đảm bảo để có thể kịp thời hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

❖ Rủi ro thị trường

Các biến động trên thị trường tài chính có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Agriseco. Cụ thể như các thay đổi về lãi suất, giá mua bán chứng khoán, tỷ giá hối đoái dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và Agriseco nói riêng.

Để hạn chế các rủi ro do biến động của thị trường tài chính, Agriseco thường xuyên thực hiện các nghiên cứu Tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường tài chính một cách toàn diện để thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố vi mô và vĩ mô.

❖ Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch họa, cháy nổ, động đất, bão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

Đơn vị: tỷ Đồng

Chi tiêu	Năm 2012	Kế hoạch năm 2012 được ĐHĐĐ thông qua	Thực hiện so với Kế hoạch (%)
Lợi nhuận trước thuế	70,9	130	54,54%

❖ *Tình hình thực hiện so với kế hoạch*

So với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 54,5%. Tuy kết quả kinh doanh không đạt được kỳ vọng, nhưng nếu so với thị trường đã là một thành công khi Agriseco là một trong ít các Công ty chứng khoán kinh doanh có lãi trong tình hình thị trường chứng khoán nhiều biến động như năm vừa qua.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc điều hành các nghiệp vụ được giao.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc:

2.1.1. Ông Hà Huy Toàn – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Hà Huy Toàn**
- Ngày tháng năm sinh: **03/11/1954**
- Nơi sinh: **Hưng Yên**
- Trình độ chuyên môn: **Phó Tiến sỹ Toán - Đại học Tổng hợp Sácơ, Praha, Tiệp Khắc; Tiến sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.**

2.1.2. Bà Vũ Thị Thúy Hà – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Vũ Thị Thúy Hà**
- Ngày tháng năm sinh: **07/3/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nội**

- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

2.1.3. Ông Nguyễn Kim Hậu – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Kim Hậu**
- Ngày tháng năm sinh: **17/6/1971**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

2.1.4. Ông Lê Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Lê Văn Minh**
- Ngày tháng năm sinh: **18/3/1963**
- Nơi sinh: **Lâm Đồng**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

2.1.5. Ông Bùi Đức Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Bùi Đức Thắng**
- Ngày tháng năm sinh: **20/12/1973**
- Nơi sinh: **Hải Hưng**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Toán Kinh tế**

2.1.6 Bà: Mai Thị Thủy – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Mai Thị Thủy**
- Ngày tháng năm sinh: **31/08/1964**
- Nơi sinh: **Lai Châu**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

❖ Những thay đổi trong ban điều hành

- Năm 2012, HĐQT đã ban hành quyết định số 04/2012/QĐ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc của Ông Phạm Văn Thành.

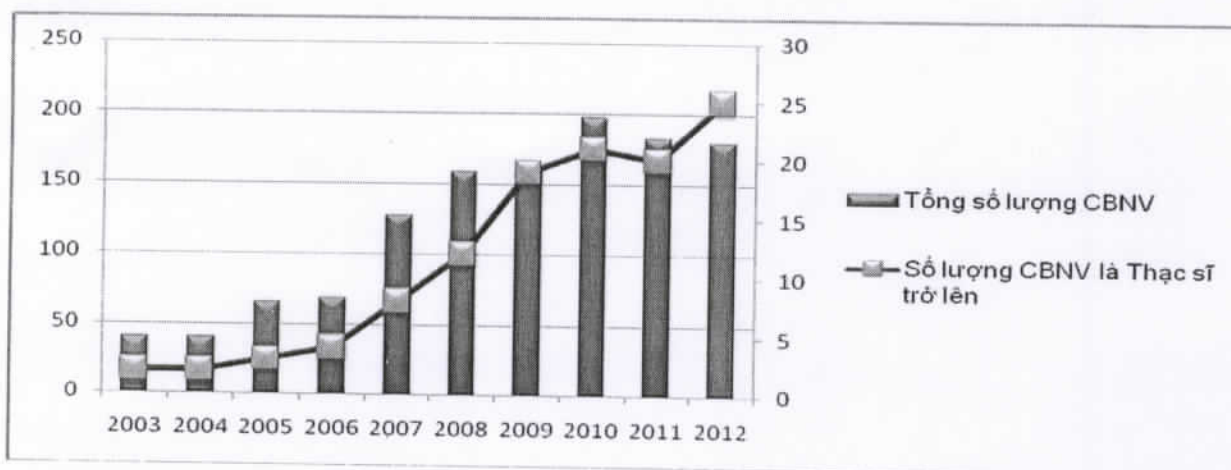
❖ Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng: Tốc độ tăng trưởng Nguồn nhân lực

Tổng số: 178 cán bộ Cán bộ có trình độ thạc sỹ trở lên: 25



th



Số lượng người làm việc trong kỳ: 178 cán bộ, trong đó:

- Số lao động nữ: 86 cán bộ (chiếm 48,3 % tổng số cán bộ).
- Lao động giữ chức vụ quản lý: 61 cán bộ (chiếm 34,3% tổng số cán bộ).
- Độ tuổi trung bình: 27 tuổi.
- Trình độ thạc sĩ, tiến sĩ: 25 cán bộ (chiếm 14 % tổng số cán bộ).

Chính sách lương thưởng, phụ cấp cho người lao động

Lương trả cho Lao động bao gồm các loại lương sau:

- **Lương tối thiểu:** là mức lương tối thiểu mỗi lao động được nhận, căn cứ trên quy định của Nhà nước tương xứng với sức lao động nhằm đảm bảo đời sống và làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Lương tối thiểu được xác định theo trình độ, thâm niên và chức danh của Lao động. Lương cơ bản được Công ty quy định tại từng thời điểm.
- **Lương kinh doanh:** là lương trả cho Lao động dựa trên mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương kinh doanh của Lao động, hoặc dựa trên mức độ đóng góp của Lao động vào Doanh thu thuần; được thỏa thuận trong nội bộ Đơn vị và được phân bổ từ Quỹ lương kinh doanh của Đơn vị.
- **Lương năng suất:** là lương trả cho Lao động trực tiếp dựa trên mức độ đóng góp của Lao động vào việc vượt Chỉ tiêu Kế hoạch được giao, được thỏa thuận trong nội bộ Đơn vị và được phân bổ từ Quỹ lương năng suất của Đơn vị.
- **Thưởng cho Lao động gián tiếp:** Thưởng cho lao động gián tiếp sẽ được tính toán và thực hiện vào cuối năm dựa trên cơ sở lợi nhuận thực hiện, mức lương của Lao động trực tiếp và Quỹ lương năng suất.

Chế độ thu hút và đào tạo nhân sự

Công ty có chế độ khuyến khích đào tạo và tự đào tạo.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Năm 2012, nhận thức được tình hình thị trường có nhiều biến động, Agriseco đã đề cao nguyên tắc an toàn kinh doanh, tăng cường kiểm tra, kiểm soát rủi ro.

Đối với nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu, Agriseco không đầu tư mới, tập trung vào công tác thoái vốn, tái cơ cấu lại danh mục đầu tư một cách an toàn và hiệu quả.

Đối với nghiệp vụ kinh doanh vốn và trái phiếu, Agriseco cũng không phát sinh khoản đầu tư mới, tập trung vào cân đối vốn, đảm bảo thanh khoản cho Công ty.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Không

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Bảng: Tình hình tài chính 2012

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.924.065.223.751	6.093.367.455.810	-2,78%
Doanh thu	876.964.808.985	1.327.524.788.481	-33,94%
DT hoạt động môi giới CK	34.940.309.923	26.028.851.338	-34,24%
DT hoạt động đầu tư CK	458.609.441.352	555.078.310.220	-17,38%
DT đại lý phát hành CK	4.749.972.313	4.414.888.637	7,59%
DT hoạt động tư vấn	3.156.255.534	969.590.908	225,52%
DT hoạt động lưu ký CK	2.922.785.083	-	-
DT hoạt động ủy thác đầu giá	28.252.917	-	-
DT khác	372.557.791.863	741.033.147.378	-49,72%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(67.722.853)	(123.029.079)	-44,95%
DTT từ HĐKD	876.897.086.132	1.327.401.759.402	-33,94%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	70.923.887.519	131.678.723.375	-46,14%
Lợi nhuận khác	(4.919.130)	-	-
LNTT	70.918.968.389	131.678.723.375	-46,14%
LNST	65.657.545.034	106.723.147.553	-38,48%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	311	505	-38,42%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,21	1,15	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,21	1,15	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,63	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	1,62	1,67	Lần

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	-	-	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,15	0,22	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/ DTT	0,07	0,08	Lần
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	0,03	0,05	Lần
+ Hệ số LNST/Tổng TS	0,01	0,02	Lần
+ Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	0,08	0,10	Lần

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (thời điểm 21/08/2012)

- Cổ phiếu phổ thông: 211.199.953 cổ phiếu, chiếm 99,622 % số lượng cổ phiếu.
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: 800.047 cổ phiếu chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu: 212.000.000 cổ phiếu.

5.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Trong nước	2.799	210.531.864	99,30%
-	Tổ chức	40	170.396.784	80,37%
-	Cá nhân	2.758	40.135.080	18,93%
2	Nước ngoài	26	668.089	0,32
-	Tổ chức	6	628.407	0,30%
-	Cá nhân	20	39.682	0,02%
3	Cổ phiếu quỹ	-	800.047	0,38%
Tổng cộng		2.825	212.000.000	100%

* Tính tại thời điểm 21/8/2012.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ: 800.047 cổ phiếu chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

5.5. Các chứng khoán khác

Các đợt phát hành chứng khoán khác trong năm: Không

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kinh tế nói chung và tình hình thị trường chứng khoán năm 2012 có nhiều biến động, nhiều ngân hàng mất thanh khoản, nhiều công ty chứng khoán gặp khó khăn. Trong tình hình đó, Agriseco đã vươn lên, khắc phục khó khăn, tự đổi mới mình nhằm phù hợp với thị trường. kinh doanh có lãi. Mặc dù mức lợi nhuận không cao như kỳ vọng (đạt 54,5% kế hoạch) nhưng đó là đã một thành công trong điều kiện thị trường khó khăn như năm 2012.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- **Nghiệp vụ môi giới:** Năm 2012, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 28% so với năm ngoái. Ngoài nguyên nhân là do thị trường chứng khoán tăng, thanh khoản được cải thiện thì chính sách khoán đã thực sự tác động và thúc đẩy nghiệp vụ Môi giới mở rộng mạng lưới khách hàng, tăng doanh thu.
- **Nghiệp vụ kinh doanh vốn và trái phiếu:** Nhờ cân đối vốn tốt nên Agriseco vẫn đảm bảo được thanh khoản và giữ được kinh doanh ổn định trong điều kiện thị trường vốn năm 2012 gặp nhiều khó khăn, nhiều CTCK và NHTM mất thanh khoản.
- **Nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu:** Năm 2012, Agriseco đề cao nguyên tắc an toàn trong kinh doanh cổ phiếu, tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, tập trung vào công tác thoái vốn và tái cơ cấu lại danh mục đầu tư một cách hiệu quả.
- **Công nghệ tin học:** Công nghệ tin học tại Agriseco tiếp tục được đầu tư và phát triển đồng bộ cả về con người và tài sản, góp phần thúc đẩy các nghiệp vụ khác cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành và tiến tới từng bước phát triển thành mũi nhọn kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

TÀI SẢN	Đơn vị: Đồng	
	31/12/2012	31/12/2011 (Phân loại lại)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.424.433.008.218	2.087.880.614.179
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	436.741.219.472	545.055.676.364
Trong đó: Tiền	216.741.219.472	122.055.676.364
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.555.494.479.944	95.225.760.350
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.425.489.786.175	1.423.646.227.430
4. Hàng tồn kho	121.702.400	205.995.500
5. Tài sản ngắn hạn khác	6.585.820.227	23.746.954.535
B TÀI SẢN DÀI HẠN	1.499.632.215.533	4.005.486.841.631
1. Tài sản cố định	18.347.216.178	19.606.991.958
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.342.612.971.832	3.862.468.938.766
3. Tài sản dài hạn khác	138.672.027.523	123.410.910.907
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.924.065.223.751	6.093.367.455.810

2.2. Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	Đơn vị: Đồng	
	31/12/2012	31/12/2011
I. Nợ ngắn hạn	3.662.335.901.843	1.811.218.305.682
Vay và nợ ngắn hạn	2.100.000.000.000	135.000.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.601.240	-
Phải trả người lao động	10.020.478.663	5.201.408.784
Chi phí phải trả	203.120.728.043	378.896.291.335
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	164.196.782.740	80.160.121.089
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	861.279.290	1.001.599.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	254.613.454	1.026.799.564
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.183.858.418.413	1.209.932.085.100
II. Nợ dài hạn	366.342.797	2.000.271.845.058
Vay và nợ dài hạn	-	2.000.000.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	366.342.797	271.845.058
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	3.662.702.244.640	3.811.490.150.740

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công tác giao Kế hoạch, Khoán ngày càng chuyên nghiệp hóa, là công cụ điều hành hiệu quả đối với các Đơn vị, gắn lương và thu nhập với hiệu quả lao động, tạo động lực trong kinh doanh.
- Thành lập Phòng Phát triển thị trường, với chức năng quản lý và phát triển mạng lưới; thực hiện kế hoạch phát triển khách hàng và sản phẩm; tiếp thị, củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty.

- Hoàn thiện một số quy trình nghiệp vụ như Quy trình nghiệp vụ Tư vấn tài chính, Quy định về Quản lý rủi ro trong nắm giữ chứng khoán, Quy trình điều hòa vốn nội bộ,.. góp phần nâng cao chất lượng hoạt động các nghiệp vụ.
- Năm 2012, Agriseco đã có những cải biến tích cực trong chuyển giao cơ chế, bước đầu thực hiện tách bạch giữa quản trị và điều hành.

b. Hoạt động kiểm soát

- Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Agriseco luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trong năm 2012, Agriseco đã chú trọng nâng cao vai trò của Hệ thống kiểm soát nội bộ, đã xây dựng và ban hành Quy định về QLRR trong nắm giữ chứng khoán, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, trở thành một công cụ đắc lực trong quản trị và điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đề cao các biện pháp an toàn kinh doanh, tăng cường kiểm tra, kiểm soát rủi ro, tiến tới nâng cấp Khối kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa cơ chế giao Kế hoạch và Khoán đến từng Đơn vị, từng nhân viên, đảm bảo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, khuyến khích lao động, gia tăng năng suất.
- Duy trì ổn định kinh doanh, đặc biệt là cân đối vốn, tiếp tục tìm kiếm các nguồn vốn mới, đảm bảo thanh khoản cho Công ty.
- Nâng cấp nghiệp vụ Môi giới, tăng thị phần cũng như doanh thu từ nghiệp vụ này.
- Đổi mới và nâng cấp hoạt động Tự doanh theo hướng hoạt động bài bản, bền vững và hiệu quả phù hợp với đặc thù của Công ty.
- Nâng cấp, đổi mới và hoàn thiện hệ thống công nghệ.
- Tiếp tục xây dựng và triển khai đề án quy hoạch và chuyển giao cán bộ, đề án tách bạch chức năng quản lý và điều hành.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).

Không

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012, Agriseco chú trọng đổi mới công tác quản lý điều hành, đặt mục tiêu kinh doanh an toàn lên vị trí hàng đầu và đã đạt được một số thành tựu nhất định:

a. Tăng cường kiểm soát rủi ro

Xác định mục tiêu kinh doanh an toàn lên vị trí hàng đầu, đặc biệt trong hoàn cảnh thị trường giảm liên tục rất dễ xảy ra các thất thoát, tổn thất, Agriseco đặc biệt quan tâm tới công tác phòng chống rủi ro trong năm 2012. Agriseco đã bổ sung nhân sự để nâng cao năng lực của Phòng Kiểm tra kiểm toán nội bộ, thông qua Phương án xử lý rủi ro và Báo cáo chấn chỉnh sau thanh tra để đảm bảo hoạt động kinh doanh ngày càng an toàn, hiệu quả. Đồng thời, Agriseco đã ban hành Quy định quản lý rủi ro trong năm giữ chứng khoán ngày 24/12/2012. Đặc biệt, Cơ chế Khoán thu hồi nợ đang được xây dựng và dự kiến sẽ được áp dụng ngay từ đầu năm 2013 nhằm khuyến khích các Đơn vị thu hồi các khoản nợ xấu, quá hạn.

b. Nâng cấp cơ chế Khoán

Với mong muốn đổi mới cơ chế điều hành và đầu tiên là đổi mới cơ chế trả lương cho nhân viên, để lương gắn với hiệu quả lao động và lương kích thích người lao động nâng cao năng suất, Agriseco đã từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ chế Khoán. Quy định Khoán đầu tiên được ban hành ngày 1/3/2011 trong đó Quỹ lương của các Đơn vị dựa trên Doanh thu thuần, nhằm khuyến khích các Đơn vị tăng doanh thu và nâng cao năng suất lao động. Quy định về Khoán này đã liên tục được điều chỉnh và sửa đổi nhằm đánh giá đúng kết quả kinh doanh của các Đơn vị và người lao động. Trong năm 2012, công tác giao Kế hoạch và Khoán đã được nâng cấp và hoàn thiện với việc lấy LNTT làm chỉ tiêu giao Kế hoạch đảm bảo đánh giá chính xác kết quả kinh doanh của các Đơn vị và trả lương phù hợp với hiệu quả lao động của từng nhân viên.

c. Bắt đầu Khoán cho tự doanh

Agriseco cũng đã thực hiện Khoán đối với Bộ phận Đầu tư ngắn hạn (Phòng Đầu tư). Hoạt động đầu tư ngắn hạn đã đi vào bài bản hơn với việc bám sát Quy trình thực hiện nghiệp vụ và thường xuyên (hàng tuần) tổ chức các cuộc nhận định đánh

giá tình hình thị trường để có kế hoạch tự doanh phù hợp. Kết quả, hoạt động Đầu tư ngắn hạn bước đầu đã có lãi. Cơ chế Khoán cho Đầu tư dài hạn cũng đang được xây dựng và hoàn thiện, dự kiến sẽ áp dụng ngay từ đầu năm 2013.

d. Phát triển thị trường

Với mong muốn đẩy mạnh hoạt động Môi giới và nâng cao thị phần môi giới, năm 2012, Agriseco đã thành lập và giao Khoán cho Phòng Phát triển thị trường. Sau khi thành lập, Phòng Phát triển thị trường đã mở thêm 2 Cơ sở phát triển dịch vụ tại Nam Định và Phả Lại và hứa hẹn sẽ góp phần phát triển nghiệp vụ Môi giới của Công ty trong tương lai.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT luôn nắm rõ tiến độ công việc và tình hình hoạt động của Công ty; thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong quá trình xử lý công việc;
- Ban Tổng giám đốc chấp hành nghiêm chỉnh và triển khai nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kết thúc năm 2012, Lợi nhuận trước thuế của Agriseco đạt 70,9 tỷ đồng (Báo cáo tài chính kiểm toán 2012). Tuy chỉ hoàn thành gần 55% kế hoạch được giao nhưng Agriseco vẫn nằm trong TOP 10 CTCK niêm yết có lợi nhuận cao nhất năm 2012 và kết quả kinh doanh trên là tương đối khả quan trong bối cảnh thị trường chứng khoán và nền kinh tế năm 2012 gặp rất nhiều khó khăn: thị trường tiền tệ thắt chặt, sản xuất đình trệ, nợ xấu của các Ngân hàng tăng cao và nhiều CTCK lâm vào tình trạng tiếp tục thua lỗ, thậm chí phải ngừng thực hiện nghiệp vụ chủ chốt như Môi giới cổ phiếu.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng công việc trong năm 2013:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Khoán.
- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát.

th

- Xây dựng chiến lược phát triển khách hàng MG&DV toàn Công ty và phát triển khách hàng tại các Cơ sở phát triển dịch vụ. Xây dựng cơ chế Môi giới mới để mở rộng thị phần môi giới thông qua đội ngũ cộng tác viên;
- Bổ sung các tiện ích giao dịch trực tuyến và website của Công ty;
- Xây dựng quy trình dự báo;
- Đổi mới mô hình tổ chức và công tác cán bộ.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2012

1.1.1. Ông Hà Huy Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ: **45.954.656 cổ phần, chiếm 21,68 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 42.401.501 cổ phần, chiếm 20 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 3.553.155 cổ phần, chiếm 1,68% vốn điều lệ

1.1.2. Ông Phạm Văn Thành - Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Số cổ phần nắm: **23.470.826 cổ phần, chiếm 11,07 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 23.320.826 cổ phần, chiếm 11 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 150.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ

1.1.3. Bà Đặng Thị Thanh Hảo - Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ: **19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ

1.1.4. Ông Lê Quốc Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ: **19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ.

1.1.5. Ông Trương Thanh Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ: **19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ

1.1.6. Ông Lê Văn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ: **19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 19.080.675 cổ phần, chiếm 9 % vốn điều lệ

1.1.7. Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Số cổ phần nắm giữ: Không.

1.1.8. Ông Võ Hồng Nam - Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
Số cổ phần nắm giữ: Không.

1.1.9. Ông Anthony Wong - Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
Số cổ phần nắm giữ: Không.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban Công nghệ bao gồm:

- Ông Hà Huy Toàn - Chủ tịch HĐQT – Tổ trưởng;
- Ông Võ Hồng Nam - Ủy viên HĐQT – Tổ phó;
- Ông Phạm Văn Thành - Ủy viên HĐQT – Thành viên;
- Ông Bùi Đức Thắng – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên;
- Ông Nguyễn Kim Hậu – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên;

Tiểu ban Công nghệ có nhiệm vụ đánh giá, đề xuất, xây dựng hệ thống công nghệ đáp ứng yêu cầu có kế thừa, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trước những biến động thị trường chứng khoán nói riêng và môi trường kinh doanh nói chung trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của Công ty và của pháp luật.

Trong năm 2012, HĐQT đã họp 3 lần, các nội dung chính đã thông qua chủ yếu bao gồm các nội dung trình biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2012 và các công việc nhằm thực thi NQ ĐHĐCĐ thường niên 2012.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Agriseco có 03 thành viên HĐQT độc lập không điều hành, gồm: Ông Võ Hồng Nam, Ông Nguyễn Thanh Kỳ và Ông Anthony Wong.

Trong năm 2012, các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã hỗ trợ nhiều cho việc quản trị và phát triển hạ tầng cơ sở về nhân lực, công nghệ và đối tác cho Agriseco.

- Ông Võ Hồng Nam: là Tổ phó Tiểu ban Công nghệ, ông Nam có vai trò chủ đạo trong việc chỉ đạo xây dựng Chiến lược công nghệ cho Công ty.
- Ông Nguyễn Thanh Kỳ: là Chủ tịch Hiệp hội kinh doanh chứng khoán (VASB), Ông Kỳ đã và đang xây dựng và duy trì mối quan hệ giữa Công ty với Hiệp hội

Ch.

cũng như các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời tạo điều kiện đào tạo cán bộ cho Agriseco.

- Ông Anthony Wong: với vai trò là Giám đốc Công ty Guotai Junan Capital Limited, ông Wong đã và đang tìm kiếm đối tác chiến lược cho Agriseco.

1.5. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Ngày 1/11/2012, HĐQT đã ban hành Quyết định số 06/2012/QĐ/HĐQT về việc thành lập Tiểu ban Công nghệ, Tiểu ban đang thực hiện triển khai Đề án nâng cấp hệ thống công nghệ.
- Ngoài ra, Agriseco đã thành lập Văn phòng HĐQT. Văn phòng HĐQT thực hiện đầy đủ các công việc hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong việc quản trị công ty.

1.6. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm : Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

2.1.1. Ông Vũ Xuân Toán – Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm: **3.533 cổ phần, chiếm 0,00166 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 3.533 cổ phần, chiếm 0,00166% vốn điều lệ

2.1.2. Bà Ngô Thị Hoàng Nga – Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm: **1.230 cổ phần, chiếm 0,00058 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 1.230 cổ phần, chiếm 0,00058% vốn điều lệ

2.1.3. Ông Dương Sơn Tùng – Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm: **462 cổ phần, chiếm 0,00021 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 462 cổ phần, chiếm 0,00021% vốn điều lệ

2.1.4. Ông Nguyễn Ngọc Táo – Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm: Không

2.1.5. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm: Không

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Agriseco thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị cũng như tình hình Công ty.

Định kỳ mỗi quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời, góp ý cho Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Báo cáo kiểm tra hoạt động công ty theo yêu cầu của cổ đông lớn;
- Báo cáo thẩm định BCTC (30/04/2012);
- Báo cáo thẩm định BCTC (30/09/2012);
- Báo cáo thẩm định BCTC (31/12/2012);
- Báo cáo đánh giá hoạt động Công ty năm 2012;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/09/2012, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2012 bằng 1% Lợi nhuận sau thuế trong kế hoạch, trường hợp vượt chỉ tiêu lợi nhuận được thưởng 1,5% LNST phần vượt kế hoạch và 1% LNST trong kế hoạch.

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2012 đã được Công ty KPMG kiểm toán, Quỹ thù lao được xác định như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế thực tế	65,657,545,034
Thù lao tính theo lợi nhuận trong kế hoạch	656,575,450
Tổng quỹ thù lao	656,575,450

Theo Quy chế thù lao HĐQT và BKS Công ty, Thù lao công việc cho HĐQT và BKS được phân bổ cho 9 thành viên HĐQT, 5 thành viên Ban kiểm soát và Văn phòng HĐQT.

Căn cứ số liệu đã được kiểm toán năm 2012, tổng thu nhập của Ban Tổng giám đốc trong năm là 1.849.518.244 đồng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hà Huy Toàn – CT HĐQT kiêm TGD	752.562	0,35%	3.553.155	1,68%	Mua
2	Phạm Văn Thành – UV HĐQT	334.930	0,16%	150.000	0,07%	Bán
3	Nguyễn Kim Hậu – Phó TGD	550.215	0,26%	760.905	0,36%	Mua
4	Vũ Thị Thúy Hà – Phó TGD	434.554	0,20%	534.554	0,25%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của Công ty và của pháp luật.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam, Hà Nội Landmark Tower (tòa nhà 72 tầng lô E6), đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 3946 1600

Fax: 04 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

th

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Công ty”) tại 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 47. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2012.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-043

Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
(đã ký)	(đã ký)
Đàm Xuân Lâm	Nguyễn Tâm Anh
Chứng chỉ KTV số N.0861/KTV	Chứng chỉ KTV số 0651/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tại ngày 31/12/2012)

TÀI SẢN	31/12/2012	Đơn vị: Đồng
		31/12/2011
		(Phân loại lại)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.424.433.008.218	2.087.880.614.179
6. Tiền và các khoản tương đương tiền	436.741.219.472	545.055.676.364
Tiền	216.741.219.472	122.055.676.364
Các khoản tương đương tiền	220.000.000.000	423.000.000.000
7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.555.494.479.944	95.225.760.350
Đầu tư ngắn hạn	1.695.901.394.530	284.380.834.996
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(140.406.914.586)	(189.155.074.646)
8. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.425.489.786.175	1.423.646.227.430
Phải thu của khách hàng	2.364.744.255.030	1.164.954.419.803
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	24.624.000	-
Các khoản phải thu khác	224.835.059.835	405.220.345.317
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(164.114.152.690)	(146.528.537.690)
IV. Hàng tồn kho	121.702.400	205.995.500
V. Tài sản ngắn hạn khác	6.585.820.227	23.746.954.535
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.177.011.881	3.337.203.536
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	427.919.005	381.837.187
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.713.921.851	19.140.635.026
Tài sản ngắn hạn khác	266.967.490	887.278.786
B TÀI SẢN DÀI HẠN	1.499.632.215.533	4.005.486.841.631
II. Tài sản cố định	18.347.216.178	19.606.991.958
Tài sản cố định hữu hình	10.535.325.716	10.341.620.629
Nguyên giá	48.012.144.512	42.365.087.672
Giá trị hao mòn lũy kế	(37.476.818.796)	(32.023.467.043)
Tài sản cố định vô hình	7.811.890.462	5.541.568.329
Nguyên giá	26.021.298.605	20.220.586.105
Giá trị hao mòn lũy kế	(18.209.408.143)	(14.679.017.776)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	-	3.723.803.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.342.612.971.832	3.862.468.938.766
Đầu tư chứng khoán dài hạn	1.539.690.746.100	3.976.767.842.340
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.539.690.746.100	3.976.767.842.340
Đầu tư dài hạn khác	1.669.064.655	1.669.064.655
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(198.746.838.923)	(115.967.968.229)
V. Tài sản dài hạn khác	138.672.027.523	123.410.910.907
Chi phí trả trước dài hạn	35.684.540.947	48.710.974.214
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	68.712.173.751	41.760.431.693
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	11.479.456.825	10.203.649.000
Tài sản dài hạn khác	22.795.856.000	22.735.856.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.924.065.223.751	6.093.367.455.810

NGUỒN VỐN	31/12/2012	31/12/2011
A NỢ PHẢI TRẢ	3.662.702.244.640	3.811.490.150.740
II. Nợ ngắn hạn	3.662.335.901.843	1.811.218.305.682
Vay và nợ ngắn hạn	2.100.000.000.000	135.000.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.601.240	-
Phải trả người lao động	10.020.478.663	5.201.408.784
Chi phí phải trả	203.120.728.043	378.896.291.335
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	164.196.782.740	80.160.121.089
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	861.279.290	1.001.599.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	254.613.454	1.026.799.564
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.183.858.418.413	1.209.932.085.100
II. Nợ dài hạn	366.342.797	2.000.271.845.058
Vay và nợ dài hạn	-	2.000.000.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	366.342.797	271.845.058
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.261.362.979.111	2.281.877.305.070
I. Vốn chủ sở hữu	2.261.362.979.111	2.281.877.305.070
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.120.000.000.000	2.120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.752.303.169	3.752.303.169
Cổ phiếu quỹ	(10.763.723.000)	(10.763.723.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	18.592.075.761	18.592.075.761
Quỹ dự phòng tài chính	22.807.362.969	17.471.205.591
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	28.674.975.035	23.338.817.657
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	78.299.985.177	109.486.625.892
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.924.065.223.751	6.093.367.455.810

1. 04/12/2012
 2. 04/12/2012
 3. 04/12/2012
 4. 04/12/2012
 5. 04/12/2012
 6. 04/12/2012
 7. 04/12/2012
 8. 04/12/2012
 9. 04/12/2012
 10. 04/12/2012
 11. 04/12/2012
 12. 04/12/2012
 13. 04/12/2012
 14. 04/12/2012
 15. 04/12/2012
 16. 04/12/2012
 17. 04/12/2012
 18. 04/12/2012
 19. 04/12/2012
 20. 04/12/2012
 21. 04/12/2012
 22. 04/12/2012
 23. 04/12/2012
 24. 04/12/2012
 25. 04/12/2012
 26. 04/12/2012
 27. 04/12/2012
 28. 04/12/2012
 29. 04/12/2012
 30. 04/12/2012
 31. 04/12/2012
 32. 04/12/2012
 33. 04/12/2012
 34. 04/12/2012
 35. 04/12/2012
 36. 04/12/2012
 37. 04/12/2012
 38. 04/12/2012
 39. 04/12/2012
 40. 04/12/2012
 41. 04/12/2012
 42. 04/12/2012
 43. 04/12/2012
 44. 04/12/2012
 45. 04/12/2012
 46. 04/12/2012
 47. 04/12/2012
 48. 04/12/2012
 49. 04/12/2012
 50. 04/12/2012
 51. 04/12/2012
 52. 04/12/2012
 53. 04/12/2012
 54. 04/12/2012
 55. 04/12/2012
 56. 04/12/2012
 57. 04/12/2012
 58. 04/12/2012
 59. 04/12/2012
 60. 04/12/2012
 61. 04/12/2012
 62. 04/12/2012
 63. 04/12/2012
 64. 04/12/2012
 65. 04/12/2012
 66. 04/12/2012
 67. 04/12/2012
 68. 04/12/2012
 69. 04/12/2012
 70. 04/12/2012
 71. 04/12/2012
 72. 04/12/2012
 73. 04/12/2012
 74. 04/12/2012
 75. 04/12/2012
 76. 04/12/2012
 77. 04/12/2012
 78. 04/12/2012
 79. 04/12/2012
 80. 04/12/2012
 81. 04/12/2012
 82. 04/12/2012
 83. 04/12/2012
 84. 04/12/2012
 85. 04/12/2012
 86. 04/12/2012
 87. 04/12/2012
 88. 04/12/2012
 89. 04/12/2012
 90. 04/12/2012
 91. 04/12/2012
 92. 04/12/2012
 93. 04/12/2012
 94. 04/12/2012
 95. 04/12/2012
 96. 04/12/2012
 97. 04/12/2012
 98. 04/12/2012
 99. 04/12/2012
 100. 04/12/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	845.593.803.658	1.519.193.873.378
4. Nợ khó đòi đã xử lý	394.671.443.392	6.278.968.166
6. Chứng khoán lưu ký	13.039.165.260.000	12.449.065.040.000
Trong đó:		
6.1 Chứng khoán giao dịch	10.368.652.350.000	6.611.413.650.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	152.221.410.000	245.074.730.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9.601.247.970.000	6.063.664.010.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	615.182.970.000	302.674.910.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	470.000	1.843.828.120.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	470.000	470.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	1.824.227.650.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	19.600.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	2.288.554.750.000	3.894.941.790.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	2.073.151.720.000	3.767.791.720.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	215.403.030.000	127.150.070.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	106.763.400.000	70.294.400.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	106.763.400.000	70.294.400.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	80.000	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	80.000	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	194.210.000	3.587.080.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	1.100.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	194.210.000	3.585.980.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	275.000.000.000	25.000.000.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên trong nước	275.000.000.000	25.000.000.000
7. Chứng khoán lưu ký của những công ty đại chúng chưa niêm yết	191.417.290.000	190.915.720.000
Trong đó		
7.1 Chứng khoán giao dịch	177.810.300.000	168.917.720.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	24.951.870.000	23.607.900.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	152.858.430.000	141.418.820.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của thành viên nước ngoài	-	3.891.000.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	21.084.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	21.084.000.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	257.000.000	202.000.000
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên trong nước	257.000.000	202.000.000
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	13.349.990.000	712.000.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	140.900.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	2.928.191.200.000	2.977.681.020.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu	876.964.808.985	1.327.524.788.481
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	34.940.309.923	26.028.851.338
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	458.609.441.352	555.078.310.220
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	4.749.972.313	4.414.888.637
Doanh thu hoạt động tư vấn	3.156.255.534	969.590.908
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	2.922.785.083	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	28.252.917	-
Doanh thu khác	372.557.791.863	741.033.147.378
Các khoản giảm trừ doanh thu	(67.722.853)	(123.029.079)
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	876.897.086.132	1.327.401.759.402
Chi phí hoạt động kinh doanh	(769.083.959.393)	(1.166.577.246.656)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	107.813.126.739	160.824.512.746
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(36.889.239.220)	(29.145.789.371)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.923.887.519	131.678.723.375
Thu nhập khác	580.870	-
Chi phí khác	(5.500.000)	-
Lợi nhuận khác	(4.919.130)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.918.968.389	131.678.723.375
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(32.213.165.413)	-
Lợi ích/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.951.742.058	(24.955.575.822)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.657.545.034	106.723.147.553
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	311	505

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: Đồng

	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	70.918.968.389	131.678.723.375
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao và phân bổ	9.044.462.120	6.215.108.688
Trích lập chi phí dự phòng	51.616.325.634	33.625.138.057
Thu nhập tiền lãi	(771.374.203.917)	(1.257.220.911.810)
Thu nhập từ cổ tức	(1.687.183.554)	(21.212.014.920)
Chi phí lãi vay	580.526.750.991	962.154.225.954
Lãi từ hoạt động đầu tư	21.357.081.472	105.169.963.615
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(39.597.798.865)	(39.589.767.041)
Biến động các khoản phải thu	(1.181.049.345.736)	6.905.220.601.351
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	405.997.765.346	(7.953.170.454.861)
Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	15.270.918.022	(9.555.201.833)
	(799.378.461.233)	(1.049.347.766.018)
Tiền lãi nhận được	301.602.485.320	612.201.895.178
Tiền lãi vay đã trả	(442.508.282.623)	(816.709.825.848)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(17.668.160.149)	(49.246.955.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(957.952.418.685)	(1.303.102.651.846)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(7.784.686.340)	(11.927.532.857)
Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	986.599.455.234	854.264.915.435
Tiền lãi nhận được	648.112.020.152	524.243.432.801
Cổ tức nhận được	1.687.183.554	21.212.014.920
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.628.613.972.600	1.387.792.830.299
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(10.763.253.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	-	401.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(35.000.000.000)	(416.780.000.000)
Chi phí lãi vay	(632.790.794.707)	(262.137.036.710)
Cổ tức đã trả	(111.185.216.100)	(36.654.751.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(778.976.010.807)	(324.835.040.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(108.314.456.892)	(240.144.862.257)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	545.055.676.364	785.200.538.621
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 6)	436.741.219.472	545.055.676.364

Bản báo cáo tài chính kiểm toán 2012 đã được Agriseco công bố tại địa chỉ website
<http://agriseco.com.vn/tabid/83/vi-VN/default.aspx#AD,469,213920>

Trân trọng! nguyen hang

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2013

